



TÂN CHÂU, kiến trú và diện cách

▲ NGUYỄN HỮU HIỆP

Lúc ấy Nghi Biểu Hầu Nguyễn Cư Trinh, đang làm Ký lục đình Bố Chính, là người từng được vua ban sắc (tháng 2 năm Canh Ngọ, 1750): “Thuộc lại gian tham người phải xét trị; hào cường lấn cướp người phải ngăn trừ; án giam không quyết người phải xét cho ra lẽ; hộ khẩu không đồng người phải làm cho phồn thịnh; nhân dân ương ngạnh người phải giáo hóa; kẻ gian trộm cắp người phải bắt vào khuôn phép. Nhất thiết tình trạng của quân, nổi khổ của dân, cho người được tùy nghi làm việc, chỉ cần thành công, chớ có sợ nhọc”. Chính vì vậy nên năm Đinh Sửu [1757] ông đã tham mưu xin thành lập 3 đạo trên đất Tâm Phong Long: Châu Đốc đạo, Tân Châu đạo và Đông Khẩu đạo để ngăn giữ, bảo vệ hữu hiệu vùng đất Gia Định.

Bản doanh Tân Châu đạo đặt tại đầu cù lao Giêng (sử gọi đây là thủ sở chính), cùng với thủ sở đạo Hùng Ngự (tiền thân của địa danh Hồng Ngự – đặt ở vàm rạch Đốc Vàng, xưa thuộc tỉnh Định Tường, nay thuộc tỉnh Đồng Tháp), và đạo Chiến Sai phía Cù lao Ông Chưởng, hợp thành “Tam đạo” do đạo Tân Châu ở giữa quản lãnh.

Sơ thời dựng đất, Tân Châu không phải ở vị trí thị trấn Tân Châu nay, mà tiên khởi nó trên đóng ở một vùng đất bây giờ thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Ta biết, mỗi thủ sở tất nhiên cũng đồng thời là một堡. Đại Nam nhất thống chí mô tả:

+ *Bảo Tân Châu*: Chu vi 11 trượng 2 thước, cao 5 thước, ở địa phận huyện Đông Xuyên, đắp từ năm Thiệu Trị thứ 2. Nguyên là đạo Tân Châu đắp từ năm Gia Long thứ 2, đặt chức Đạo thủ. Năm Minh Mệnh thứ 7 đặt thêm chức Hiệp thủ, năm thứ 18 đặt làm cửa quan.

+ *Bảo đất An Lạc*: Chu vi 80 trượng, cao 4 thước, ở địa phận huyện Đông Xuyên, đắp từ năm Thiệu Trị thứ 2. Nguyên là thủ sở đạo Chiến Sai, năm Minh Mệnh thứ 21 đổi tên gọi hiện nay. Xét Nhất thống địa dư chí thì giữa sông là địa đầu bãi Doanh Châu [cù lao Giêng], có thủ sở chính Tân Châu ở đây; bờ phía hữu bãi là rạch Đốc Vàng, tức là thủ sở đạo Hùng Ngự thuộc địa giới tỉnh Định Tường, cùng với đạo Chiến Sai đều thuộc đạo Tân Châu quản lãnh, cho nên

gọi là Tam Đạo, phòng bị kẻ gian, thu thuế buôn bán, thật là địa điểm yết hầu.

Sau, do thực lực quân đội của đồn Châu Đốc và trấn Hà Tiên vùng phía Tây sông Hậu đã đủ mạnh, vị trí của Tân Châu đạo ngày càng mờ nhạt, nên các thủ Tân Châu, bảo An Lạc (đổi gọi từ Chiến Sai) ở vùng Chợ Thủ được dịch chuyển dần lên thượng lưu sông Tiền, nhưng vẫn đặt gọi theo tên cũ. Tân Châu thì tọa lạc tại lý sở thị xã Tân Châu nay, còn An Lạc, nếu là đơn vị hành chính cấp tổng (trước 1975) thì bao gồm 6 xã (3 xã Cù lao Tây: Tân Huệ, Tân Quới, Tân Long, sách viết Tân Luồng – nay thuộc Đồng Tháp), và 3 xã phía hữu ngạn sông Tiền là Phú Lâm, Phú An, Hòa Hảo, tức phía dưới Tân Châu. Thế nhưng Đại Nam thực lục có ghi: “*Nhâm Dần, Thiệu Trị năm thứ 2 [1842], tháng 6. Bọn Tổng đốc Lê Văn Đức, thự Tổng đốc Nguyễn Tri Phương tiến binh đến Sách Sô, từ Thuận Cảng [Vàm Nao] chuyển ra sông Tiền Giang, đi ngược dòng lên, qua Tân Châu, An Lạc...*”; và lời tâu xin của Lê Văn Đức về việc đào sông Tân Châu: “*từ Hậu Giang đến Tân Châu và An Lạc ở Tiền Giang tất phải từ Thuận Cảng đi lên, trải 3, 4 ngày đi quanh co, vừa chậm vừa khó, đi lại thật thấy bất tiện. Vậy, một đoạn từ An Giang đi ngang qua Tân Châu và An Lạc, xin cho quan tỉnh thuê vét [vát: giống như điều*

động) quân dân đào thành đường sông để dễ cho sự khống chế, tiếp ứng. Đó cũng là một việc cốt yếu nên làm". Xét về trình tự, rõ ràng An Lạc tọa lạc phía trên Tân Châu. Như vậy, phải chăng An Lạc được dịch chuyển từ Chợ Thủ lên sát biên giới (trên Tân Châu nay), để rồi sau đó, khi dân cư đông đúc, bộ máy chính quyền vươn xuống, các thôn/làng, tổng, huyện được thành lập, thì An Lạc một lần nữa được dời xuống và định vị tại vùng đất phía dưới Tân Châu? (vì năm 1917 tổng An Lạc, quận Tân Châu có 6 xã là Hòa Hảo, Phú An, Phú Lâm, Tân Huệ, Tân Quới, Tân Long. Tất cả đều tọa lạc phía dưới Tân Châu – theo Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn, An Giang*).

Dẫn về sau do sự phát triển về giao thương giữa hai nước Việt Nam – Campuchia nên, từ nhiệm vụ bảo vệ an ninh là chính, hoạt động của Tân Châu đạo nghiêng dần về mặt thuế quan (nhất là thời thuộc Pháp), dân cư ngày càng sung mãn, chợ búa được thành lập, phố xá mọc lên san sát, vị trí đóng quân của Tân Châu đạo trở thành nơi đô hội (nay là lỵ sở thị xã Tân Châu).

Sử cũ ghi, năm 1831 (và những năm tiếp theo) vua Minh Mạng đổi 23 trấn và 4 doanh thành 27 tỉnh, đồng thời chia cắt một số diện địa để đặt thêm 4 tỉnh mới là Hưng Yên, Ninh Bình, Hà Tĩnh và An Giang. An Giang là một trong sáu tỉnh của Nam Kỳ, thường gọi Nam Kỳ lục tỉnh, và là một trong 31 tỉnh của cả nước. Có 2 phủ là: phủ Tuy Biên, gồm 2 huyện Tây Xuyên và Phong Phú, sau là Tây Xuyên và Đông Xuyên; và phủ Tân Thành, gồm 3 huyện Vĩnh An, An Xuyên và Đông Xuyên (sau chuyển giao huyện Đông Xuyên cho phủ Tuy Biên). Cả hai phủ Tuy Biên và Tân Thành đều lấy từ diện địa hai huyện Vĩnh An và Vĩnh Định của Vĩnh Thanh (Vĩnh Long) mà chia đặt ra.

Sách *Gia Định Thành thông chí* kể tả: Huyện Vĩnh An, trước là tổng, nay đổi làm huyện, lãnh 2 tổng (81 thôn, phường).

Lúc này vùng Tân Châu thuộc địa bàn huyện Vĩnh An, sau chuyển qua huyện Đông Xuyên.

Sử cũ ghi vị trí của huyện Vĩnh An: đông tây cách nhau 38 dặm; nam bắc cách nhau 22 dặm. Phía đông đến địa giới huyện An Xuyên 2 dặm; phía tây đến địa giới huyện Phong Phú phủ Tuy Biên 36 dặm; phía nam đến địa giới huyện An Xuyên 12 dặm; phía bắc đến địa giới huyện Kiến Phong tỉnh Định Tường 10 dặm.

Vị trí của huyện Đông Xuyên: Ở cách phủ 127 dặm về phía tây bắc. Đông tây cách nhau 45 dặm; nam bắc cách nhau 41 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Kiến Đăng tỉnh Định Tường 20 dặm; phía tây đến địa giới huyện Tây Xuyên phủ Tuy Biên 25 dặm; phía nam đến địa giới huyện Tây Xuyên 39 dặm; phía bắc đến địa giới nước Cao Mên chừng 2 dặm.

Thời Pháp, Tân Châu là quận thuộc tỉnh Châu Đốc từ 1903 được điều chỉnh ngày 19/5/1919, quận lỵ tại Tân Châu, gồm 3 tổng: An Lạc, An Phước, An Thành. Số xã các tổng từ thời Nguyễn đến thời Pháp có thay đổi theo từng giai đoạn.

Sau 30/4/1975 Tân Châu hợp với An Phú thành huyện Phú Châu, tỉnh An Giang. Ngày 13/11/1991 lập lại do tách từ huyện Phú Châu giải thể gồm có thị trấn Tân Châu và 9 xã: Vĩnh Xương, Vĩnh Hòa, Phú Lộc, Tân An, Long An, Châu Phong, Lê Chánh, Phú Vinh, Long Phú.

Về phía Cách mạng, để thuận tiện cho việc lãnh đạo kháng chiến, ngày 12/9/1947, Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ ra chỉ thị số 50/CT chia lại địa giới 2 tỉnh Long Xuyên và Châu Đốc thành 2 tỉnh Long Châu Tiền (thuộc khu 8) và Long Châu Hậu (thuộc khu 9).

Tân Châu là tỉnh lỵ của tỉnh Long Châu Tiền.

Tháng 6/1948 tỉnh Long Châu Tiền được thành lập, gồm 5 huyện là Tân Châu, Hồng Ngự, Chợ Mới, Châu Phú B và Lấp Vò.

Cuối năm 1949, tỉnh Long Châu Tiền phân chia lại địa giới. Theo đó, huyện Tân Châu tách ra làm 2 huyện mới là huyện Phú Châu và huyện Tân Châu. Huyện Phú Châu bao gồm An Phú và một phần Tân Châu. Huyện Tân Châu là phần còn lại gồm các xã Long Sơn, Phú Lâm, Phú An, Hòa Hảo, Phú Thuận, Long Thuận, Long Khánh, Thường Thới, Thường Phước và Thường Lạc.

Đến ngày 17/12/1950 tỉnh Long Châu Sa được thành lập (dọc theo sông Tiền) trên cơ sở nhập diện thổ của Sa Đéc vào tỉnh Long Châu Tiền. Cụ thể, tỉnh Long Châu Sa gồm 7 huyện là Châu Thành (của Sa Đéc), Lai Vung, Cao Lãnh, Tân Hồng, Tân Châu, Phú Châu và Chợ Mới (Lấp Vò cũ – đổi tên).

Lúc này 2 huyện Hồng Ngự và Tân Châu (vốn của Long Châu Tiền) chia ranh giới lại thành 2 huyện Tân Hồng và Tân Châu. Hai tỉnh Long Châu Hà và Long Châu Sa tồn tại đến 1954, các căn cứ kháng chiến đều giải thể để chuẩn bị tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, nên các địa danh do chánh quyền cách mạng đặt ra không còn tồn tại mà dùng địa danh, địa bàn, địa giới như phía địch. Nhưng vì Hiệp định Giơ-neo bị phía địch đơn phương vô hiệu hóa nên nhân dân phải vùng lên “đồng khởi”. Thế là mãi đến khi phong trào đồng khởi bùng nổ ngày 17/01/1960, tiêu biểu là tại Bến Tre và dần dần lan rộng khắp miền Nam thì lúc ấy, một số địa danh cũ ở An Giang do chính quyền cách mạng đặt, được phục hồi. Theo đó, năm 1957, chính quyền cách mạng lập lại tỉnh An Giang gồm các quận Chợ Mới, Thới Nốt, Núi Sập, Châu Thành, Châu Phú, An Phú, Tân Châu, Tịnh Biên,

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Tri Tôn (giao Hồng Ngự cho Kiến Phong; giao Lấp Vò cho Sa Đéc). Sau nhiều lần tách nhập, An Giang chia làm 2 tỉnh là An Giang và Châu Hà. Đến 1974 đổi 2 tỉnh An Giang và Châu Hà thành Long Châu Tiền và Long Châu Hậu. Tỉnh Long Châu Tiền gồm Tân Châu, An Phú, Hồng Ngự và Tam Nông.

Sau ngày giải phóng, tại Nghị định số 19/NQ-TW ngày 20/12/1975 của Bộ Chính trị, tỉnh An Giang được thành lập bao gồm 2 tỉnh Long Xuyên và Châu Đốc với 8 quận, 84 xã.

Ngày 20/9/1975 Bộ Chính trị ra Nghị quyết 245-NQ/TW về việc bỏ

miền Nam Việt Nam giải thể khu hợp nhất tỉnh. Tỉnh An Giang có 10 huyện, thị xã là: Châu Thành, Huệ Đức, Chợ Mới, Phú Tân, Châu Phú, Phú Châu, Tri Tôn, Tịnh Biên, thị xã Long Xuyên và thị xã Châu Đốc. Lúc này tên gọi Tân Châu tạm thời phiêu bạt vì huyện Tân Châu và huyện An Phú đã nhập một lấy tên là huyện Phú Châu. Thị trấn Tân Châu là huyện lỵ của huyện Phú Châu. Cũng vào lúc này phần diện địa cũ Tân Châu bị co lại vì một số xã đã được trích chuyển cho huyện Phú Tân.

Đến ngày 25/4/1979 Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 181-

Phú Lộc, Tân An, Long An, Châu Phong, Lê Chánh, Phú Vinh, Long Phú và thị trấn Tân Châu. Địa giới: đông giáp tỉnh Đồng Tháp lấy sông Tiền làm giới hạn, tây giáp huyện An Phú, nam giáp huyện Phú Tân, bắc giáp biên giới Campuchia.

Ngày 24/8/2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 40/NQ-CP, về việc điều chỉnh địa giới hành chính các xã thuộc huyện Tân Châu, huyện An Phú, huyện Phú Tân. Thành lập thị xã Tân Châu thuộc tỉnh An Giang bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của thị trấn Tân Châu và các xã: Phú Lộc, Vĩnh Xương, Vĩnh Hòa, Tân Thạnh, Tân An, Long An, Châu Phong, Phú Vinh, Lê Chánh, Long Phú và xã Long Sơn.

Về giao thương, kinh tế: do Tân Châu là cửa ngõ sông Tiền nên ngay từ thời Nguyễn, thời Pháp, và cho đến nay việc đi lại vận chuyển hàng hóa, giữa hai nước Việt Nam - Campuchia bằng đường thủy rất thông suốt, tiện lợi, nên nguồn thu thuế quan là mối lợi đáng kể cho nhà nước. Con kinh Vĩnh An lịch sử (sách viết *Vĩnh An hà* - hà là sông chứ không phải chỉ Hà Tiên như có người đã lầm) nối Tân Châu - Châu Đốc đào từ thời Nguyễn, không chỉ là huyết mạch về quân sự, kịp thời ứng cứu cho nhau khi có việc mà còn đem nước ngọt, phù sa dầm thắm ruộng vườn xanh tươi lúa, màu, trầu, nhãn. Sông Tiền và các chi lưu, phụ lưu của nó đã chuyển về đồng bằng sông Cửu Long không biết cơ man nào là tôm, cá. Nguồn thủy sản vô tận này không chỉ đã giúp người Tân Châu hình thành nghề lái rổ đem cá đi bán khắp các chợ lớn, chợ nhỏ trong khu vực, tận Mỹ Tho, Sài Gòn, và phát triển nghề làm khô cá lóc, cá bông cung cấp cho các thuyền buôn Hải Nam đem bán ở nước ngoài. Cũng từ dòng chảy của đại giang (sông Tiền) không biết bao nhiêu là bè "gỗ sục", nhất là "sao

(Xem tiếp trang 14)



Tân Châu ngày nay.

Ảnh: CTV

khu, hợp tỉnh, theo đó, tỉnh Long Châu Tiền được hợp với Sa Đéc và Kiến Tường, đặt ra thành tỉnh mới. Tiếp theo Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 19 quyết định hợp nhất một số tỉnh từ Khu 6 trở vào, An Giang được xác định là diện đất của tỉnh Long Châu Tiền và Long Châu Hậu (tỉnh An Giang cũ bao gồm cả Long Xuyên, Châu Đốc trừ huyện Thốt Nốt). Cụ thể gồm các huyện Châu Thành, Thoại Sơn, Chợ Mới, Phú Tân A, Phú Tân B, Châu Phú, Phú Châu, Tịnh Biên, Tri Tôn và 2 thị xã Long Xuyên và Châu Đốc.

Tháng 2/1976, Nghị định của Chính phủ Cách mạng lâm thời

CP về việc điều chỉnh địa giới và đổi tên một số xã và thị trấn thuộc tỉnh An Giang. Đồng thời phân chia lại địa giới các xã Long Phú, Phú Vinh, Tân An, Vĩnh Hòa, Vĩnh Trường, Vĩnh Hậu, thị trấn Tân Châu.

Ngày 13/11/1991 Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 373-HĐBT chia tách huyện Phú Châu thành hai huyện An Phú và Tân Châu. Theo đó xã Quốc Thái và thị trấn An Phú vừa ghi ở trên nay thuộc huyện An Phú. Còn huyện Tân Châu vào thời điểm đó có diện tích tự nhiên 15.994 ha, 144.885 nhân khẩu, gồm có 10 đơn vị hành chính là các xã Vĩnh Xương, Vĩnh Hòa,

Chí Minh đều gửi thư, quà thăm hỏi, động viên, nhắc nhở mọi người phải biết ơn và hết lòng giúp đỡ thương binh, gia đình liệt sĩ. Đặc biệt, từ sau Chiến thắng Điện Biên Phủ, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh càng quan tâm hơn đến công tác thương binh, liệt sĩ.

Tháng 7 năm 1955, Đảng và Nhà nước ta quyết định đổi “Ngày thương binh toàn quốc” thành “Ngày Thương binh, Liệt sĩ” để ghi nhận hy sinh lớn lao của đồng bào, chiến sĩ cả nước cho chiến thắng vẻ vang của toàn dân tộc. Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, theo Chỉ thị 223/CT-TW ngày 8/7/1975 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, từ năm 1975, ngày 27 tháng 7 hằng năm chính thức trở thành “Ngày Thương binh, Liệt sĩ” của cả nước. Mỗi năm cứ đến “Ngày Thương binh, Liệt sĩ” nhất là vào dịp kỷ niệm năm tròn, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta lại tổ chức nhiều hoạt động thiết thực, đầy tình nghĩa chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng.

Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trân trọng đánh giá cao những cống hiến, hy sinh to lớn của đồng bào, chiến sĩ đối với Tổ quốc, đồng thời cũng luôn chú trọng giáo dục ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ công dân và lòng biết ơn sâu sắc của các tầng lớp nhân dân, của các thế hệ cách mạng đối với thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng. Khẳng định sự cống hiến, hy sinh của họ cho độc lập, tự do của dân tộc, cho hạnh phúc của nhân dân là vô giá. Việc chăm sóc thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và người có công là vinh dự, là trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức chính trị - xã hội và của mọi người, của thế hệ hôm nay và mai sau.

Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã tích cực triển khai và thực hiện có hiệu quả các phong trào chăm sóc thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và



Thăm và tặng quà Mẹ Việt Nam anh hùng.

Ảnh: CTV

người có công bằng những việc làm thiết thực thông qua: Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”, xây dựng nhà tình nghĩa, vườn cây tình nghĩa, sổ tiết kiệm tình nghĩa, chăm sóc bố, mẹ liệt sĩ già yếu cô đơn, con liệt sĩ mồ côi, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị đã tích cực trong việc phát hiện, quy tập mộ liệt sĩ và ghi danh, ghi công liệt sĩ. Công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ đã tạo sức lan tỏa trong các tầng lớp nhân dân.

Kỷ niệm 70 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2017) là dịp để cán bộ, chiến sĩ và nhân dân cả nước dành những tình cảm thiêng liêng nhất để tưởng nhớ, biết ơn những thương binh, liệt sĩ đã hy sinh xương máu của mình vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, để cho mỗi chúng ta có được cuộc sống thanh bình và hạnh phúc ngày hôm nay.

T.A

TÂN CHÂU...

(Tiếp theo trang 12)

sông lớn” được chuyển về để các nơi tha hồ xây dựng công trình cái nhà, đóng ghe xuồng, bàn tủ ghế. Cồn bãi la liệt nên Tân Châu đã sớm trở thành thủ đô chuỗi nghề trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa và nhuộm hàng (bằng mù trái mặc nưa) cho ra sản phẩm lãnh mỹ a, cấm tự là những mặt hàng đắt giá, được xem là sang trọng lúc bấy giờ. Người Tân Châu đã sớm có cuộc sống ổn định, không ít người trở thành tài tử văn nhân nên các hoạt động về văn học nghệ thuật

phát triển khá sôi nổi. Các nhân vật lịch sử lỗi lạc như Trịnh Hoài Đức, Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn, Nguyễn Công Trứ... trong nhiệm vụ của mình đều đã có để lại Tân Châu ít nhiều dấu ấn tốt đẹp về các mặt đánh dẹp, bình định, khai canh/khai cơ, và cả thơ văn cảm hoài. Các danh sĩ như các cụ Tú Thường, Nguyễn Quang Diêu, Nguyễn Chánh Sắt, họa sĩ Lê Trung, soạn giả Thái Thụy Phong, nữ nghệ sĩ Nguyệt Yến... là những người đã góp phần làm rạng rỡ cho Tân Châu

trên văn đàn trong nước, quốc tế.

Tân Châu ngày trước là nơi đầy ắp những sự kiện văn hóa - lịch sử. “Vùng đất mới” này về phương diện hành chính, từng là nơi được chọn làm huyện lỵ của các huyện Đông Xuyên, Tân Châu, Phú Châu... Triều đình nhà Nguyễn cũng từng nghĩ đến việc dời lĩnh thành An Giang từ Châu Đốc về Tân Châu (tại xã Long Sơn nay), nhưng sau đó do Nam Kỳ “có việc” nên chuyện không thành.

N.H.H